

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **65/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 29-8-2025
Về việc T/c “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Ngọc Nam, ông Nguyễn Thành Phước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – An Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/6/2025 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Hồng G, sinh năm 1988. Số CCCD: 089188013887. Địa chỉ: số B, tổ A, ấp P, xã T, tỉnh An Giang. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Võ Văn T, sinh năm 1984. Số CCCD: 089084006821. Địa chỉ: số B, tổ A, ấp P, xã T, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên hệ: Nhà trọ B, ấp D, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Lê Hồng G trình bày:** Chị và anh T quen biết, tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau từ năm 2010, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 16/8/2012 tại UBND xã tân Tuyền, huyện T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung. Gần đây giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng cả hai lại không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm

2025. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hồng G yêu cầu ly hôn anh Võ Văn T.
- Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Thị Trà M, sinh ngày 06/3/2011, hiện con đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Bị đơn anh Võ Văn T** đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, triệu tập các lần hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định pháp luật nhưng anh vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Hồng G.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Võ Văn T, sinh năm 1984, cư trú tại số B, tổ A, ấp P, xã T, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, nuôi con chung thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân Khu vực 10 - An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Võ Văn T Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và anh T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn chị Lê Hồng G và bị đơn anh Võ Văn T quen biết, tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 16/8/2012 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Lời khai của nguyên đơn thừa nhận về tình cảm của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn mà cả hai lại không có biện pháp nào để hàn gắn được mối quan hệ này và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2025, trong thời gian

này mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Do đó, chị G yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị G và anh T không đạt được nên chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị G đối với anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung tên Võ Thị Trà M, sinh ngày 06/3/2011.

Hiện nay cháu G đang sống cùng chị G và cháu cũng có văn bản trình bày ý kiến nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Trong quá trình giải quyết mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án mời làm việc, mời Hòa giải nhưng anh T vẫn không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án về yêu cầu khởi kiện của chị G cũng như có ý kiến về việc nuôi con chung. Do đó, căn cứ vào lời khai và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy: Cháu Trà M trình bày từ trước đến nay cháu đều sống với mẹ, khi cha mẹ ly hôn thì cháu vẫn có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ để ổn định cuộc sống. Vì vậy, HĐXX chấp nhận giao cháu Trà M cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Hồng G.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Hồng G được ly hôn với anh Võ Văn T.
2. Về con chung: Chị G và anh T có 01 con chung tên Võ Thị Trà M, sinh ngày 06/3/2011.
 - Giao cháu Võ Thị Trà M cho chị Lê Hồng G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Võ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị G không yêu cầu.
 - Chị Lê Hồng G cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.
3. Về nợ chung, tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
4. Về án phí: Chị Lê Hồng G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022005 ngày 04/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn. (Đã nộp xong)
5. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Hồng G và anh Võ Văn T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 10 – An Giang;
- Phòng THADS Khu vực 10 – An Giang;
- UBND xã Cô Tô, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Thị Hồng Nhớ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng N - Nguyễn Thành Phước V

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đức - Nguyễn Thành Phước Vương Thị Hồng Nhớ

